

Bản án số: 370/2024/DS-ST
Ngày 10 - 12- 2024
V/v tranh hợp đồng hội

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM D, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Thanh Phong

Ông Nguyễn Văn Hiến

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Chí Đệ là thư ký Toà án nhân dân huyện Đàm D.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm D xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 608/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 447/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Ngô Hải T, sinh năm 1982; Địa chỉ cư trú: Ấp Hòa Đ, xã Tân Đ, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- **Bị đơn:**

+ Bà Phan Thị S, sinh năm 1966; Địa chỉ cư trú: Ấp Tân Lợi B, xã Tạ An Khương N, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1966; Địa chỉ cư trú: Ấp Tân Lợi B, xã Tạ An Khương N, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Chị Nguyễn Kha L; Địa chỉ cư trú: Ấp Tân Lợi B, xã Tạ An Khương N, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Trường G; Địa chỉ cư trú: Ấp Tân Lợi B, xã Tạ An Khương N, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn anh T trình bày:*

Anh T có tham gia hội do ông Đ và bà S là chủ hội, cụ thể như sau:

- Dây hội thứ nhất: Loại hội 1.000.000 đồng, mở ngày 20/02/2022 (al), gồm 36 phần, anh T tham gia 2 phần, góp được 22 kỳ, số tiền được hưởng là 44.000.000 đồng.

- Dây hội thứ hai: Loại hội 1.000.000 đồng, mở ngày 30/5/2022 (al), gồm 34 phần, anh T tham gia 2 phần, góp được 18 kỳ, số tiền được hưởng là 36.000.000 đồng.

- Dây hội thứ ba: Loại hội 2.000.000 đồng, mở ngày 25/3/2023 (al), gồm 31 phần, anh T tham gia 1 phần, góp được 7 kỳ, số tiền được hưởng là 14.000.000 đồng.

Các dây hội trên đình từ tháng 11/2023, tổng số tiền hội anh được hưởng là 94.000.000 đồng, sau đó ông Đ và bà S có thanh toán được 2.000.000 đồng còn nợ lại 92.000.000 đồng. Ông Đ là người rủ anh tham gia hội, ông Đ là người gom hội nên anh yêu cầu ông Đ và bà S có nghĩa vụ trả cho anh số tiền hội 90.000.000 đồng (anh thống nhất giảm cho ông Đ và bà S 2.000.000 đồng)

** Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Qua trình bày của anh T về giao dịch hội nêu trên là đúng. Hội do ông rủ anh T tham gia, ông là người đi gom hội nhưng hội này con dâu ông đứng tên, tiền hoa hồng có thỏa thuận phân chia với chị L. Vợ ông là bà S không có tham gia hội này dù bà có biết việc mở hội nhưng do bị bệnh nên không trực tiếp tham gia.

Nay qua yêu cầu của anh T ông xác định được số tiền hội còn nợ anh T số tiền hội 90.000.000 đồng, ông yêu cầu anh T giảm bớt lãi hội, cho ông trả số tiền 80.000.000 đồng. Ông có nhận thông báo cho con dâu ông là L biết nhưng bận đi làm ăn xa không về được. Đối với Nguyễn Trường G là con trai của ông thì cho rằng hội là của chị L đứng ra làm, G không biết, hiện tại cũng đi làm ăn xa không có ở nhà. Ông xác định hội này do ông và chị L hùng mở, có thỏa thuận phân chia cò nhưng đối với anh T thì ông đứng ra rủ và trực tiếp gom hội. Ông đồng ý trả cho anh T 80.000.000 đồng nhưng yêu cầu chị L cùng có nghĩa vụ trả nợ với ông.

Tại phiên tòa, anh T thống nhất giảm bớt cho ông Đ và bà S một phần lãi hội, yêu cầu ông Đ và bà S trả 80.000.000 đồng.

** Đối với bà Phan Thị S, chị Nguyễn Kha L và anh Nguyễn Trường G:* Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để biết yêu cầu khởi kiện của anh T nhưng không có ý kiến đối với nội dung và yêu cầu khởi kiện của anh T và không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phan Thị S, anh Nguyễn Trường G và chị Nguyễn Kha L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn

vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Đ 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

Về phạm vi khởi kiện: Theo đơn khởi kiện anh T yêu cầu ông Đ và bà S trả số tiền hui 94.000.000 đồng, quá trình giải quyết anh thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Đ và bà S trả số tiền hui 80.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của anh T không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo khoản 1 Đ 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Anh T khởi kiện yêu cầu ông Đ trả số tiền hui còn nợ 80.000.000 đồng. Thấy rằng, việc anh T cho rằng anh có tham gia hui do ông Đ làm chủ và số tiền nợ hui còn thiếu là có cơ sở, được ông Đ thừa nhận nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Đ 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc ông Đ cho rằng hui do ông và chị L hùn mở là thoả thuận riêng của ông và chị L, anh T không tham gia, không thừa nhận có biết và thống nhất với thoả thuận này. Mặt khác, ông T xác định do ông là người rủ anh T tham gia hui, gom hui cũng do ông trực tiếp gom, chị L không có ý kiến gì về vấn đề này do đó không có cơ sở xác định giữa ông Đ và chị L có thoả thuận hùn mở hui. Nên buộc ông Đ chịu trách nhiệm đối với các phần hui anh T tham gia là phù hợp.

Về nghĩa vụ thanh toán: Theo ông Đ xác định việc ông mở hui bà S có biết nhưng bà bị bệnh không tham gia nên không biết gì về số nợ này việc anh T yêu cầu bà S có nghĩa vụ trả nợ cùng ông, ông không đồng ý. Xét thấy, giao dịch hui này được thực hiện trong thời gian ông Đ và bà S còn tồn tại mối quan hệ hôn nhân, mặt khác ông Đ xác định bà S biết việc ông mở hui và thu nhập từ hui cũng phục vụ chung trong gia đình. Do đó, buộc bà S phải cùng có nghĩa vụ với ông Đ trả nợ cho anh T là phù hợp.

Từ các lập luận nêu trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T. Buộc ông Đ và bà S có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền hui 80.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự: Anh T không phải chịu do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Ông Đ và bà S phải chịu 4.000.000 đồng ($80.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.000.000 \text{ đồng}$).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Đ 92; Đ 147, Đ 228, khoản 1 Đ 244 và Đ 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Đ 37 Luật hôn nhân và gia đình, Đ 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Đ 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Hải T. Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Phan Thị S trả cho ông trả cho anh Ngô Hải T số tiền hui 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đ và bà S chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng ông Đ và bà S còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Đ 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự: Anh Ngô Hải T không phải chịu. Anh T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.350.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001835 ngày 07/10/2024 được nhận lại. Ông Nguyễn Văn Đ và bà Phan Thị S phải chịu 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Đ 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Đ 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Đ 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)
Huỳnh Ngọc Mai

